

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN YÊN  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2020/HNGĐ-ST

Ngày 15/6/2020

V/v: "tranh chấp

Hôn nhân và gia đình".

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Thế Đăng

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Giáp Hồng Thanh

2. Ông Đào Xuân Hải

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Dương Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, Bắc Giang.

- *Đại diện VKSND huyện Tân Yên, Bắc Giang tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Bộ - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 37/2020/TLST-HNGĐ ngày 12/02/2020 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2020/QĐST-HNGĐ ngày 15/5/2020, quyết định hoãn phiên tòa số 49/2020/QĐST-DS ngày 26 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1998

- Bị đơn: anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1990

FDều cư trú: thôn C, xã P, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

(Chị L, anh T đều có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

\* *Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa,, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị L trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: chị kết hôn với anh Nguyễn Hữu T năm 2018, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P. Sau khi kết hôn, chị về chung sống cùng anh T, tình cảm vợ chồng không hoà thuận, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do anh T không đóng góp, chia sẻ chi phí nuôi dưỡng con chung và sinh hoạt trong gia đình, chị đề nghị anh đóng góp nhưng anh không đồng ý dẫn

đến vợ chồng cãi nhau. Chị và anh T đã sống ly thân từ cuối năm 2019 đến nay không quan tâm đến nhau. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng, chị yêu cầu ly hôn anh T.

- Về con chung: chị và anh T có 01 con chung là Nguyễn Thu Q, sinh ngày 08/3/2019. Từ khi ly thân, cháu Q ở cùng chị. Ngày 25/12/2019, anh T đã đến nhà chị mang cháu về nuôi và không cho chị đón cháu nữa dù cháu chưa cai sữa. Nay chị yêu cầu được nuôi cháu Q khi ly hôn và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Chị đang làm công nhân Công ty Samsung Bắc Ninh, thu nhập trung bình trên 6.000.000đồng/tháng.

- Về tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

*\* Tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa, bị đơn là anh Nguyễn Hữu T trình bày:*

- Anh kết hôn với chị L năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn nên chị L về nhà anh làm dâu. Ban đầu, tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Đến cuối năm 2019, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã. Bản thân anh và chị L đã nhiều lần nói chuyện với nhau để tìm hướng khắc phục mâu thuẫn nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Từ Tết Âm lịch năm 2020, anh và chị L sống ly thân. Trong thời gian sống ly thân anh chị không quan tâm chăm sóc nhau. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh đồng ý ly hôn chị L.

- Về con chung: anh và chị L có một con chung là Nguyễn Thu Q, sinh ngày 08/3/2019, hiện nay anh đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu. Khi ly hôn, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Q và yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đồng/tháng. Hiện nay anh đang làm nghề thợ mộc, thu nhập trung bình khoảng 15.000.000đồng/tháng.

- Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên phát biểu ý kiến về việc T theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử là đảm bảo theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị L và anh T. Giao cháu Q cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thẩm quyền: chị L nộp đơn yêu cầu ly hôn anh T, cư trú tại thôn C, xã P, huyện Tân Yên. Tòa án nhân dân huyện Tân Yên thụ lý giải quyết vụ án “tranh chấp hôn nhân và gia đình” là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu ly hôn của chị L đối với anh T:

Chị L và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P nên hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị đã có thời gian chung sống hạnh phúc. Đến cuối năm 2019, anh chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị bất đồng về quan điểm sống và về vấn đề đóng góp chi phí sinh hoạt trong gia đình dẫn đến anh chị thường xuyên cãi vã. Anh chị nhiều lần trao đổi hòa giải nhưng mâu thuẫn vẫn ngày càng trầm trọng. Anh chị đã ly thân từ đầu năm 2020 đến nay mà không quan tâm đến nhau. Qua xác minh tại gia đình và địa phương đều cho biết chị L và anh T mâu thuẫn và ly thân như anh chị trình bày. Nay anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị L yêu cầu ly hôn thì anh T đồng ý ly hôn. Như vậy, HĐXX có đủ cơ sở kết luận: mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị đều thống nhất ly hôn. Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị L và anh T là phù hợp với yêu cầu nguyện vọng của anh chị.

[3] Về con chung: chị L và anh T có 01 con chung là Nguyễn Thu Q, sinh ngày 08/3/2019, hiện nay cháu đang ở cùng anh T. Khi ly hôn, chị L và anh T đều yêu cầu được nuôi cháu Q. Xét thấy, về mặt thu nhập thì anh chị đều có đủ điều kiện kinh tế đáp ứng những nhu cầu thiết yếu của cháu Q, chị L hiện đang làm công nhân có xác nhận thu nhập khoảng 6.000.000đồng/tháng, anh T khai anh làm thợ mộc thu nhập khoảng 15.000.000đồng/tháng. Tuy nhiên, tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình quy định: “Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thảo thuận khác phù hợp với lợi ích của con”. Trong vụ án này, chị L và anh T không thỏa thuận được người trực tiếp nuôi cháu Q, cháu Q mới được hơn 01 tuổi, cần sự quan tâm chăm sóc trực tiếp của chị L. Chị L là người có điều kiện kinh tế, có sức khỏe bình thường nên đủ điều kiện nuôi con. Do vậy, HĐXX giao cháu Q cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là đúng pháp luật.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức

đóng góp trong thời gian ở chung:: chị L và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 55; khoản 3 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Hữu T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thu Q, sinh ngày 08/3/2019 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Hữu T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền và nghĩa vụ này.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số AA/2018/0006197 ngày 12/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

Xác nhận chị Nguyễn Thị L đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Chị L và anh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- CCTHADS Tân Yên;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thế Đăng**

